TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 03/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T C, TỈNH A G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng

2. Bà Văng Thảo Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang – Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã T C, tỉnh A G.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C, tỉnh A G tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Khánh Vi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 19/10/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh năm 1988; Nơi sinh: T C – A G; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm Long Thạnh A, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Con ông Nguyễn Liềm T, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1959; Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ tư; Vợ: Bùi Thị H T, sinh năm 1987; Con có 01 người sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 29/4/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã T C, tỉnh A G tuyên phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành hình phạt xong ngày 13/4/2021.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T C từ ngày 07/9/2021 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khóm Long An A, phường Long Phú, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Cù Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1983 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/8/2021, Nguyễn Văn P đi bộ từ nhà xuống chùa Giồng Thành thuộc phường L S, thị xã T C, tỉnh A G để cúng. trên đường đi đến khu đất đang trồng hoa kiểng của ông Trần Văn H thuộc khu vực khóm Long Hưng 1, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G, Pthấy có một láng trại bằng tol nhỏ không có người, nên nảy sinh ý định vào tìm tài sản lấy trộm. P đi vào bên trong láng trại thấy có 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen đang để sạc trên bàn nên lấy trộm điện thoại rồi tiếp tục đi về hướng L S, trên đường đi P tháo 02 sim điện thoại ra ném bỏ. Ông H làm vườn xong, phát hiện bị mất điện thoại, nghi ngờ do P lấy nên đuổi theo, biết bị phát hiện nên P trả điện thoại lại cho Ông H rồi bỏ chạy. Vụ việc được Ông H trình báo, Công an phường L S mời P về làm việc, P đã thừa nhận lấy trộm điện thoại của ông H.

Ngày 31/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T C, đã khởi tố, Nguyễn Văn P về tội "Trộm cắp tài sản".

Đối với vật chứng là 02 cái sim điện thoại, bị cáo đã ném bỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T C, đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T C, kết luận: điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen số seri 1: 357759102594777, số seri 2: 357759104594775 (đã qua sử dụng), trị giá 160.000 đồng; Sim điện thoại di động mạng Mobiphone số thuê bao 0939460573, trị giá 50.000 đồng; Sim điện thoại di động mạng Vinaphone số thuê bao 0941616241, trị giá 50.000 đồng, tổng trị giá là 260.000 đồng.

Cáo trạng số 65/CT-VKSTC ngày 30 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

Bị hại ông Trần Văn H và người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Hội đồng xét xử công bố Biên bản định giá trong tố tụng hình sự số103/KL-HĐĐG.TTHS ngày 11/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản; Lời khai của bị hại và người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến.

Trong phần tranh luận, bị cáo, bị hại không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Tại phiên tòa, bị cáo Pkhai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông Trần Văn H theo nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn P bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã T C khởi tố về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* xảy ra tại khóm Long Hưng 1, phường L S, thị xã T C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T C, tỉnh A G.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: bị hại ông Trần Văn H và người làm chứng ông Cù Văn T, ông Nguyễn Phú C đã được Tòa án triệu tập tham gia

phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- *Về nội dung:*

[1] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 09 giờ ngày 01/8/2021, Nguyễn Văn P đi bộ từ nhà xuống chùa Giồng Thành thuộc phường LS, thị xã T C, tỉnh A G để cúng. trên đường đi đến khu đất đang trồng hoa kiểng của ông Trần Văn H thuộc khu vực khóm Long Hưng 1, phường L S, thị xã T C, tỉnh A G. Lợi dụng sự sơ hở của ông H, bị cáo P đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của ông H đang để sạc trên bàn. Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn P có hành vi cố ý lấy trộm tài sản của ông H, trị giá 260.000 (hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Bị cáo P có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy, hành vi của bị cáo P có đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T C truy tố hành vi phạm tội của bị cáo P là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và không làm oan cho bị cáo. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

[2] Hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc "Trộm cắp tài sản" của người khác là vi phạm pháp luật, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng do bản tính tham lam, chay lười lao động, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông Trần Văn H một cách trái pháp luật, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Ngày 29/4/2020, bị cáo Nguyễn Văn P bị Tòa án nhân dân thị xã Châu xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do

đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo P để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, nhận thức pháp luật có phần hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo quy định theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với điện thoại di động hiệu NOKIA 105, màu đen số seri 1: 357759102594777, số seri 2: 357759104594775 (đã qua sử dụng). Ông H đã nhận lại tài sản nên không đề cập giải quyết. Đối với 02 cái sim điện thoại, bị cáo P đã ném bỏ, quá trình điều tra Công an thị xã T C đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra đã chứng minh được bị cáo P lấy trộm tài sản của ông H trị giá 260.000 đồng. Ông H không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như mức hình phạt đối với bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*;

Xử phạt: Nguyễn Văn P 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 07/9/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.*

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.T C;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Chị cục THADS TX T C;
- Công an TX.T C;
- Nhà Tạm giam (nếu có);
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND xã, phường (nếu có);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa (nếu có);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Minh